

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BB
TỈNH BÌNH THUẬN.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 12-5-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BB-TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo -Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Yến Thu

2. Bà Phạm Thị Bích Lệ

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chiêm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BB.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB tham gia phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Như Thủy-Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện BB xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 272/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/QĐXX-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Trần Hồng Q, sinh năm 1957 (có mặt)

HKTT: thôn TT, xã HT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: bà Huỳnh Thị Thu L, sinh năm 1958 (có mặt)

HKTT: thôn TT, xã HT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Trần Hồng Q trình bày:

+ *Về hôn nhân:* Ông Trần Hồng Q và bà Huỳnh Thị Thu L tự tìm hiểu yêu nhau và được sự đồng ý của gia đình, có tổ chức cưới và sống chung từ trước năm 1978 đến ngày 25/9/2020 đi đăng ký kết hôn tại UBND xã HT.Sau khi cưới, vợ chồng sống chung hạnh phúc tại TT và có chung 6 người con.Đến thời

gian gần đây bà L thay đổi tính tình hay mắng chửi ông với những lời lẽ nặng nề xúc phạm đến danh dự của ông làm cho ông không thể tiếp tục sống chung vợ chồng với bà L nên yêu cầu ly hôn bà Huỳnh Thị Thu L.

+ *Về con chung*: Ông và bà Huỳnh Thị Thu L có 6 người con chung là: Trần Thị Hồng C, sinh năm 1980, Trần Hồng V, sinh năm 1983, Trần Thị Hồng S, sinh năm 1985, Trần Hồng M, sinh năm 1988, Trần Thị Hồng K, sinh năm 1989, Trần Thị Hồng Ng, sinh năm 1992. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Trần Hồng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Huỳnh Thị Thu L trình bày: Bà và ông Trần Hồng Q tự nguyện yêu nhau được gia đình đồng ý cưới năm 1976. Sau khi cưới vợ chồng sống chung tại gia đình bà ở thôn TT, sau đó ra ở riêng nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2020 vợ chồng đi đăng ký kết hôn tại UBND xã HT. Trong thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc làm nuôi 7 người con, không mâu thuẫn gì lớn. Nhưng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ việc ông Q có kết bạn giao lưu với người phụ nữ khác nên bà ghen tuông chửi ông vì mục đích giữ hạnh phúc gia đình chứ không phải tự nhiên bà đổi tính chửi xúc phạm ông vô cớ. Bà L không đồng ý ly hôn và mong vợ chồng tha thứ được những sai lầm của nhau bỏ qua tất cả để đoàn tụ, vì tuổi đã lớn, cần ổn định cuộc sống gia đình.

+ *Về con chung*: Bà L và ông Trần Hồng Q có 07 người con chung:

1/ Trần Thị Hồng G, sinh năm 1978 (đã chết);

2/ Trần Thị Hồng C, sinh năm 1980

3/ Trần Hồng V, sinh năm 1983

4/ Trần Thị Hồng S, sinh năm 1985

5/ Trần Hồng M, sinh năm 1988

6/ Trần Thị Hồng K, sinh năm 1989

7/ Trần Thị Hồng Ng, sinh năm 1992

+ *Tài sản chung, nợ chung*: bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn ông Trần Hồng Q vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn bà Huỳnh Thị Thu L vì cho rằng bà L thay đổi tính tình có những lời chửi xúc phạm ông,

bà L và ông không thể sống chung hạnh phúc nên không thể đoàn tụ theo yêu cầu bà L.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Thu L vẫn yêu cầu đoàn tụ vì cho rằng bà có thể đảm bảo không còn lời lẽ xúc phạm ông do ghen tuông mà muốn giữ hạnh phúc gia đình, đoàn tụ cùng vợ chồng nương tựa nhau tuổi già.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến đối với vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 49, 51, 35, 39, 48, 68, 191, 195, 196, 175, 177, 203, 208, 209, 210, 211, 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Trần Hồng Q đối với bà Huỳnh Thị Thu L; Về con chung: Các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Căn cứ vào tài liệu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin ly hôn bà Huỳnh Thị Thu L có nơi cư trú tại xã HT, huyện Bắc Bình thuộc trường hợp tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Hồng Q và bà Huỳnh Thị Thu L được xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện từ trước năm 1978. Mặc dù không đăng ký kết hôn trong thời gian sống chung nhưng sau này vợ chồng hạnh phúc đã đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/2020 tại UBND xã HT nên hôn nhân giữa ông Trần Hồng Q và bà Huỳnh Thị Thu L là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ, tôn trọng, tin tưởng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc theo quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Trần Hồng

Q cho rằng nguyên nhân ly hôn là do bà L thay đổi tính tình chửi ông vô cớ nên ông không hạnh phúc nếu tiếp tục sống chung với bà L nhưng bà Huỳnh Thị Thu L trình bày thừa nhận thời gian gần đây bà có những lời lẽ xúc phạm chửi ông Q là do ông Q có mối quan hệ bạn bè với người phụ nữ khác mà bà cho là ông ngoại tình nên mới ghen tuông chửi. Bà thừa nhận khi ghen ông Q chửi xúc phạm nhau là sai nhưng xin thay đổi sửa sai để vợ chồng đoàn tụ, hành động ghen của bà cũng vì mục đích muốn giữ hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy ông Trần Hồng Q đã thừa nhận có những mối quan hệ với bạn bè với người phụ nữ khác mà bà L không đồng ý và ghen tuông có lời lẽ chửi xúc phạm ông Q. Như vậy, bà L chửi ông là do ghen, không phải vô cớ và thay đổi tính tình. Bà L đã thừa nhận sai và nhận sửa sai nên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa ông Trần Hồng Q với bà Huỳnh Thị Thu L chỉ xảy ra nhất thời do ghen, không phải bản tính bà L thường xuyên chửi chồng trong thời gian hôn nhân kéo dài, hành vi ghen tuông của bà L chửi xúc phạm chồng là hành động không đúng mực, có ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng nhưng chưa đến mức làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, bà L không vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Ông Q giao lưu văn hóa với những người phụ nữ khác ngoài xã hội là quyền của vợ chồng, bà L chửi ngăn cản là không phù hợp quy định tại Điều 23 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng hoạt động giao lưu văn hóa gặp gỡ với người phụ nữ khác của ông Q có ảnh hưởng tình cảm vợ chồng, không chỉ hành động chửi của bà L ảnh hưởng trầm trọng đến tình cảm vợ chồng, là nguyên nhân làm cho hôn nhân không hạnh phúc. Bởi ông Q và bà L sống chung vợ chồng từ trước năm 1978, hạnh phúc đến tháng 12/2021 mới phát sinh mâu thuẫn do ghen nên cần cho bà L cơ hội thay đổi điều chỉnh hành vi của bản thân cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hành động của ông Q cố ý giao lưu với người phụ nữ khác làm cho bà L ghen tuông và cho rằng không còn tình cảm với bà L và yêu cầu ly hôn với lý do bà L thay đổi tính tình chửi ông là chưa hoàn toàn có căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Q và bà L cũng có lỗi từ phía ông Q.

[3] *Về con chung*: Ông Trần Hồng Q và bà Huỳnh Thị Thu L thống nhất có 07 người con chung gồm: Trần Thị Hồng G, sinh năm 1978 (đã chết); Trần Thị Hồng C, sinh năm 1980; Trần Hồng V, sinh năm 1983; Trần Thị Hồng S, sinh năm 1985; Trần Hồng M, sinh năm 1988; Trần Thị Hồng K, sinh năm 1989; Trần Thị Hồng Ng, sinh năm 1992. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]*Về tài sản và nợ chung:* Ông Trần Hồng Q và bà Huỳnh Thị Thu L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]*Về án phí:* Ông Trần Hồng Q chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Hồng Q đối với bà Huỳnh Thị Thu L.

- **Án phí:** Ông Trần Hồng Q phải nộp 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002105 ngày 04/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình. Ông Q đã nộp đủ.

- **Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện BB.
- Đường sự
- UBND xã HT
- Lưu HSVA

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thảo